

[porno](#) [porn](#) **Các v n đ chúng tôi đ c p g m m t s đi m sau**

1. Các kho n thu v b i th ng, ti n th ng, ti n h tr nh n đ c s không ph i kê khai, tính n p thu GTGT, tr kho n lãi cho vay do doanh nghi p không ph i là t ch c tín đ ng nh n đ c.

2. Tài s n c đ nh đ ng s đ ng, đã th c hi n trích kh u hao khi đi u chuy n theo giá tr ghi trên s sách k toán gi a c s kinh doanh và các đ n v thành viên s không ph i kê khai, tính n p thu GTGT.

3. Góp v n b ng tài s n đ thành l p doanh nghi p s không ph i kê khai, tính n p thu GTGT.

4. Thu đòi ng i th 3 c a ho t đ ng b o hi m s không ph i kê khai, tính n p thu GTGT.

5. Th i đi m xác đ nh thu GTGT đ i v i ho t đ ng kinh doanh b t đ ng s n, xây đ ng c s h t ng, xây đ ng nhà đ bán, chuy n nh ng ho c cho thuê là th i đi m thu ti n theo ti n đ th c hi n đ án ho c ti n đ thu ti n ghi trong h p đ ng. Căn c s ti n thu đ c, c s kinh doanh th c hi n khai thu GTGT đ u ra phát sinh trong k .

6. Th i đi m xác đ nh thu GTGT đ i v i xây đ ng, l p đ t là th i đi m nghi m thu, bàn giao công trình, h ng m c công trình, kh i l ng xây đ ng, l p đ t hoàn thành, không phân bi t đã thu đ c ti n hay ch a thu đ c ti n.

7. Thu GTGT đ u vào c a hàng hoá, d ch v s đ ng đ ng th i cho s n xu t, kinh doanh hàng hoá, d ch v ch u thu và không ch u thu GTGT thì ch đ c kh u tr s thu GTGT đ u vào c a hàng hoá, d ch v dùng cho s n xu t, kinh doanh hàng hoá, d ch v ch u thu GTGT.

8. Ô tô ch ng i t 9 ch ng i tr xu ng (tr ô tô s đ ng vào kinh doanh v n chuy n hàng hoá, hành khách, kinh doanh du l ch, khách s n) có tr giá v t trên 1,6 t đ ng (giá ch a có thu GTGT) thì s thu GTGT đ u vào t ng ng v i ph n tr giá v t trên 1,6 t đ ng không đ c kh u tr .

9. Thu giá tr gia tăng đ u vào c a hàng hóa, d ch v s đ ng cho s n xu t, kinh doanh hàng hóa, d ch v không ch u thu giá tr gia tăng đ c tính vào nguyên giá tài s n c đ nh, giá tr nguyên v t li u ho c chi phí kinh doanh.

10. Thu GTGT đ u vào phát sinh trong tháng nào đ c kê khai, kh u tr khi xác đ nh s thu ph i n p c a tháng đó, không phân bi t đã xu t dùng hay còn đ trong kho.

1. N u thu GTGT đ u vào phát hi n kê khai sót, th i gian đ kê khai, kh u tr b sung t i đa là 6 (sáu) tháng, k t tháng phát sinh hoá đ n b sót.

2. Tr ng h p phát hi n sai sót v thu GTGT, ph i l p hoá đ n đi u ch nh, b sung cho hóa đ n đã l p thì th i h n kê khai kh u tr , b sung thu GTGT tính t th i đi m l p hoá đ n đi u ch nh, b sung.

3. S thu GTGT đ u vào không đ c kh u tr , đ c h ch toán vào chi phí đ tính thu thu nh p doanh nghi p ho c tính vào nguyên giá tài s n c đ nh theo quy đ nh c a pháp lu t.

4. C s kinh doanh **không đ c tính kh u tr thu GTGT đ u vào** trong tr ng h p:

- Hoá đơn GTGT số đơn không đúng quy định của pháp luật;

- Hoá đơn không ghi họ c ghi không đúng mã t trong các ch tiêu nh tên, địa ch , mã số thu của người bán nên không xác định được người bán;

- Hoá đơn không ghi họ c ghi không đúng mã t trong các ch tiêu nh tên, địa ch , mã số thu của người mua nên không xác định được người mua;

- Hóa đơn, chứng từ nộp thu GTGT giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn khống;

- Hóa đơn ghi giá trị không đúng giá trị thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua, bán hoặc trao đổi. Các chứng từ hợp đồng xem là thanh toán qua ngân hàng:

1. Chứng từ hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo chứng từ thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng mà chứng từ thanh toán này được quy định như chứng từ trong hợp đồng thì phải có biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên với việc thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào với hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng. Chứng từ hợp bù trừ công nợ qua bên thứ ba phải có biên bản bù trừ công nợ của ba bên làm căn cứ khấu trừ thuế.

2. Chứng từ hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo chứng từ thanh toán bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; chứng từ công nợ qua người thứ ba mà chứng từ thanh toán này được quy định như chứng từ trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay sang tài khoản của bên đi vay.

Sau khi thực hiện các hình thức thanh toán này mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chứng từ khấu trừ thuế đối với chứng từ hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

1. Mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp với giá trị một lần mua dưới hai triệu đồng thì người mua chỉ cần mua hóa đơn trong cùng một ngày có cùng giá trị từ hai triệu đồng trở lên thì chứng từ khấu trừ thuế đối với chứng từ hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

2. Điếu kiện khấu trừ, hoàn thuế đưa vào của hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu:

- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu; hợp đồng cung ứng dịch vụ với đối tượng ngoài nước trong khu phi thuế quan

- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;

- Có tờ khai hải quan theo quy định.

- **Có cam kết của tổ chức nước ngoài là tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng tại Việt Nam; Cam kết của cá nhân nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người Việt Nam trong thời gian đi ra nước ngoài để cung ứng dịch vụ.**

- Có hóa đơn GTGT mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng NK.

Điều kiện khác như, hoàn thuế GTGT đưa vào để với mặt số trừ hàng hợp hàng hoá được coi như xuất khẩu:

1. Hàng hoá gia công chuyên tiêu thụ theo quy định của pháp luật thông qua môi trường mua, bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đầu tư mua, bán, gia công hàng hoá với đối tượng ngoài phạm vi có:

- Hợp đồng gia công xuất khẩu và các phụ kiện hợp đồng ghi rõ cơ sở nhận hàng tại Việt Nam.

- Hóa đơn GTGT ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài.

- Phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyên tiêu thụ xác nhận của bên giao, bên nhận sản phẩm

ph m gia công chuy n ti p và H i quan qu n lý h p đ ng gia công c a bên giao, bên nh n.

- Hàng hóa gia công cho n c ngoài ph i thanh toán qua Ngân hàng.

II. Hàng hoá xu t kh u t i ch theo quy đ nh c a pháp lu t ph i có:

- H p đ ng mua bán hàng hoá ho c h p đ ng gia công có ch đ nh giao hàng t i Vi t Nam

- T khai h i quan hàng hoá xu t kh u - nh p kh u t i ch

- Hoá đ n giá tr gia tăng ho c hóa đ n xu t kh u

- Hàng hóa bán cho th ng nhân n c ngoài nh ng giao hàng t i Vi t Nam ph i thanh toán qua ngân hàng b ng ngo i t t do chuy n đ i.

- Hàng hóa xu t kh u t i ch c a doanh nghi p có v n đ u t n c ngoài ph i phù h p v i quy đ nh t i gi y phép đ u t

Mã t số tr ng h p đ c bi t:

Các tr ng h p c s kinh doanh có ***hàng hóa xu t kh u*** ho c hàng hoá đ c coi nh xu t kh u ***không có đ các th t c, h***
s khác đ i v i t ng tr ng
h p c th thì không ph i tính thu GTGT đ u ra nh ng
không đ c kh u tr thu GTGT đ u vào
.

1. Hàng hoá gia công chuyên nghiệp và hàng hoá xuất khẩu tự doanh, nếu không có đủ mặt trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải **tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa**

.

Đơn vị xuất khẩu nếu **không** đáp ứng điều kiện về **thanh toán qua ngân hàng** hoặc được coi như thanh toán qua ngân hàng thì

không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%

, không phải tính thuế GTGT đưa ra ngoài

không được khấu trừ thuế đưa vào

.

(Nguồn : <http://www.kiemtoanas.com.vn>)